



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số /TT-ĐL

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO
Ngày 20/8/2025

TỜ TRÌNH

Về dự thảo Thông tư quy định về thực hiện giá bán điện

Kính gửi: Bộ trưởng Nguyễn Hồng Diên

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Cục Điện lực (ĐL) kính trình Bộ trưởng dự thảo Thông tư quy định về thực hiện giá bán điện (sau đây viết tắt là dự thảo Thông tư) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Khoản 1 Điều 5 Quyết định số 14/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện (thay thế Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện) quy định: “*Bộ Công Thương có trách nhiệm quy định và hướng dẫn thực hiện giá bán lẻ điện cho các nhóm khách hàng sử dụng điện; giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện.*”

2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện điểm a khoản 1 Điều 5 Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg về việc quy định Bộ Công Thương có trách nhiệm “*a) Quy định và hướng dẫn thực hiện giá bán lẻ điện cho các nhóm khách hàng sử dụng điện; giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện;*”, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 quy định về thực hiện giá bán điện. Thông tư số 16/2014/TT-BCT đã được sửa đổi, bổ sung tại các Thông tư số 25/2018/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2018, Thông tư số 06/2021/TT-BCT ngày 06 tháng 8 năm 2021 và Thông tư số 09/2023/TT-BCT ngày 21 tháng 4 năm 2023.

Thông tư số 16/2014/TT-BCT quy định cụ thể việc áp giá bán lẻ điện cho các nhóm khách hàng sử dụng điện (sản xuất, kinh doanh, hành chính sự nghiệp và sinh hoạt), quy định khung giờ cao điểm, giờ thấp điểm, giờ bình thường để áp giá bán lẻ điện theo thời gian sử dụng trong ngày (đối với các nhóm khách hàng sản xuất và kinh doanh), quy định việc thực hiện giá bán điện cho đơn vị bán lẻ điện.

Qua hơn 10 năm áp dụng, Thông tư số 16/2014/TT-BCT đã tạo ra cơ sở pháp lý để thực hiện điều chỉnh giá điện, giúp việc áp giá bán lẻ điện cũng như

áp giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện được thuận lợi. Tuy nhiên, Thông tư số 16/2014/TT-BCT cũng bộc lộ một số khó khăn, hạn chế, cụ thể như sau:

- Việc xác định mục đích sử dụng điện ngoài sinh hoạt để áp giá theo quy định tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT gặp khó khăn vướng mắc do trong thực tế xuất hiện nhiều loại hình mà Thông tư số 16/2014/TT-BCT chưa quy định hết hoặc một số đối tượng khi xác định mục đích sử dụng điện tại Thông tư đã không còn phù hợp;

- Quyết định số 14/2025/QĐ-TTg quy định bổ sung đối tượng là cơ sở lưu trú du lịch và sạc xe điện;

- Về quy định giá bán điện cho đơn vị bán lẻ điện: Thông tư số 16/2014/TT-BCT có quy định về giá bán điện cho đơn vị bán lẻ điện tại khu tập thể, cụm dân cư với phạm vi áp dụng là đơn vị bán lẻ điện tại các cụm dân cư khu vực nội thị thuộc thành phố, thị trấn, thị xã và có phân biệt việc áp dụng giữa nông thôn và thành thị/đô thị do tính chất đầu tư và tổn thất của lưới điện hạ áp ở nông thôn và thành thị/đô thị là khác nhau (với giá bán điện cho đơn vị bán lẻ điện tại nông thôn và giá bán điện cho đơn vị bán lẻ điện tại khu tập thể, cụm dân cư). Hiện nay với việc tổ chức lại chính quyền địa phương theo 2 cấp, một số khái niệm không còn phù hợp và không còn xuất hiện trên thực tế nữa (ví dụ thị trấn, thị xã), việc thay đổi địa giới hành chính cũng làm một số khu vực từ nông thôn trở thành thành thị/đô thị và ngược lại dẫn đến việc phải sửa đổi nội dung tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT cho phù hợp.

Vì vậy, việc xây dựng Dự thảo Thông tư để hướng dẫn là cần thiết, đồng bộ các Thông tư hiện hành và đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Mục đích ban hành Thông tư

Thực hiện khoản 1 Điều 5 Quyết định số 14/2025/QĐ-TTg, theo đó quy định Bộ Công Thương có trách nhiệm quy định và hướng dẫn thực hiện giá bán lẻ điện cho các nhóm khách hàng sử dụng điện; giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Thông tư

- Tuân thủ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Bảo đảm tuân thủ, đồng bộ và phù hợp với các quy định của Luật Điện lực năm 2024 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Kế thừa các quy định còn phù hợp tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày

29 tháng 5 năm 2014 và các Thông tư sửa đổi, bổ sung của Thông tư số 16/2014/TT-BCT.

- Sửa đổi các quy định không còn phù hợp và bổ sung các quy định mới đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, phù hợp với chính quyền địa phương 2 cấp.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

Quá trình soạn thảo Dự thảo Thông tư được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

1. Tổ soạn thảo xây dựng Dự thảo Thông tư được thành lập theo Quyết định số 1597/QĐ-BCT ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thành lập Tổ soạn thảo Thông tư. Thành viên của Tổ soạn thảo gồm có đại diện của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Cục ĐL, Vụ Pháp chế, Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp, Cục Công nghiệp - Bộ Công Thương; Công ty TNHH MTV Vận hành Hệ thống điện và Thị trường điện Quốc gia; Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và 05 Tổng công ty Điện lực thuộc EVN.

2. Dự thảo Thông tư được gửi để lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị có liên quan (Công văn số .../BCT-ĐL ngày ...).

3. Trên cơ sở ý kiến góp của các cơ quan, đơn vị có liên quan, Cục ĐL đã tiếp thu sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo Thông tư hoàn chỉnh. Các ý kiến tiếp thu hoặc giải trình được thể hiện tại Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu đính kèm.

4. Ngày ... tháng .. năm 2025, Cục ĐL đã có Công văn số ... gửi Vụ Pháp chế đề nghị thẩm định Hồ sơ dự thảo Thông tư.

Ngày ... tháng ... năm 2025, Vụ Pháp chế đã có ý kiến thẩm định dự thảo Thông tư tại Báo cáo thẩm định số

5. Dự thảo Thông tư đã tiếp thu ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế (tại Báo cáo số ... ngày ...) và gửi Vụ Pháp chế để thực hiện thủ tục lấy ý kiến của các đồng chí Lãnh đạo Bộ theo quy định (Công văn số ... ngày ...).

Có .../... đồng chí Lãnh đạo Bộ thống nhất với nội dung Thông tư.

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: quy định về thực hiện giá bán lẻ điện cho các nhóm khách hàng sử dụng điện, giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 14/2025/QĐ-TTg.

- Đối tượng áp dụng: áp dụng cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân mua bán điện từ hệ thống điện quốc gia tại khu vực nối lưới điện quốc gia; tại nông thôn,

miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Bộ cục của dự thảo Thông tư

Dự thảo Thông tư bao gồm 04 chương, 21 điều như sau:

Chương I. Quy định chung

- Điều 1 về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- Điều 2 về giải thích từ ngữ
- Điều 3 về áp dụng giá bán điện
- Điều 4 về giá bán điện theo cấp điện áp
- Điều 5 về giá bán điện theo thời gian sử dụng trong ngày
- Điều 6 về nguyên tắc xác định giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện và điều kiện áp dụng

Chương II. Giá bán lẻ điện

- Điều 7 về giá bán lẻ điện cho sản xuất
- Điều 8 về giá bán lẻ điện cho hành chính sự nghiệp
- Điều 9 về giá bán lẻ điện cho cơ sở lưu trú du lịch
- Điều 10 về giá bán lẻ điện cho sạc xe điện
- Điều 11 về giá bán lẻ điện cho các hộ kinh doanh khác
- Điều 12 về giá bán lẻ điện sinh hoạt
- Điều 13 về giá bán điện tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp mua điện từ hệ thống điện quốc gia đồng thời với các nguồn điện khác

Chương III. Giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện

- Điều 14 về giá bán điện cho đơn vị bán lẻ điện nông thôn
- Điều 15 về giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện khu tập thể, cụm dân cư
- Điều 16 về giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện sử dụng cho tổ hợp thương mại - dịch vụ - sinh hoạt
- Điều 17 về giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp

- Điều 18 về giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện cho chợ

Chương IV. Điều khoản thi hành

- Điều 19 về tổ chức thực hiện

- Điều 20 về điều khoản chuyển tiếp
- Điều 21 về hiệu lực thi hành

3. Nội dung cơ bản

Nội dung dự thảo Thông tư được xây dựng trên cơ sở quy định tại Quyết định số 14/2025/QĐ-TTg, kế thừa các nội dung còn phù hợp tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung của Thông tư số 16/2014/TT-BCT (sau đây gọi chung là Thông tư số 16/2014/TT-BCT) và sửa đổi, bổ sung các quy định cho phù hợp với thực tế thực hiện trong thời gian qua. Cụ thể các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Thông tư số 16/2014/TT-BCT như sau:

3.1. Về quy định giá bán điện theo cấp điện áp tại Điều 4 dự thảo Thông tư

Bổ sung khoản 3 quy định về các cấp điện áp trên cơ sở quy định tại Luật Điện lực 2024 và Quyết định số 14/2025/QĐ-TTg, theo đó quy định khách hàng mua điện ở cấp siêu cao áp (cấp điện áp danh định trên 220 kV) được áp dụng giá bán điện ở cấp điện áp 220 kV để phù hợp với tính toán cơ cấu biểu giá bán lẻ điện tại Quyết định số 14/2025/QĐ-TTg, đồng thời có cơ sở pháp lý để áp giá bán điện trong thực tế cho các khách hàng mua điện ở cấp điện áp này, lý do như sau:

Khoản 2 Điều 3 Quyết định số 14/2025/QĐ-TTg quy định: “2. *Giá bán lẻ điện theo các cấp điện áp: cao áp là cấp điện áp danh định trên 35 kV (bao gồm cấp điện áp trên 35 kV đến dưới 220 kV và cấp điện áp 220 kV), trung áp là cấp điện áp danh định trên 01 kV đến 35 kV, hạ áp là cấp điện áp danh định đến 01 kV áp dụng cho các nhóm khách hàng sử dụng điện mục đích sản xuất, kinh doanh, hành chính sự nghiệp.*”. Tại Tờ trình số 2318/TTr-BCT ngày 03/4/2025 của Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ về hồ sơ dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg đã thuyết minh về giá bán lẻ điện theo các cấp điện áp như sau: cao áp trên 35 kV (bao gồm cấp điện áp trên 35 kV đến dưới 220 kV và cấp điện áp 220 kV trở lên), trung áp là trên 01 kV đến 35 kV, hạ áp dưới 01 kV; và thực tế trong tính toán để ra cơ cấu biểu giá bán lẻ điện quy định tại Quyết định số 14/2025/QĐ-TTg (thay thế Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg) thì cơ cấu biểu giá bán lẻ điện cho khách hàng mua điện tại cấp điện áp 220kV cũng là cơ cấu biểu giá bán lẻ điện cho khách hàng mua điện tại cấp điện áp trên 220kV. Do đó, theo tính toán tại Quyết định số 14/2025/QĐ-TTg thì khách hàng mua điện tại cấp điện áp 220kV có cùng mức giá với khách hàng mua điện tại cấp điện áp 220kV trở lên.

Nội dung nêu trên được cụ thể hóa tại khoản 3 Điều 4 Dự thảo Thông tư như sau:

“3. *Giá bán lẻ điện được quy định theo các cấp điện áp bao gồm: cao áp là cấp điện áp danh định trên 35 kV (bao gồm cấp điện áp trên 35 kV đến dưới 220*

kV và cấp điện áp 220 kV), trung áp là cấp điện áp danh định trên 01 kV đến 35 kV, hạ áp là cấp điện áp danh định đến 01 kV. Khách hàng mua điện ở cấp siêu cao áp (cấp điện áp danh định trên 220 kV) được áp dụng giá bán điện ở cấp điện áp 220 kV.

3.2. Về giá bán điện theo thời gian sử dụng trong ngày tại Điều 5 dự thảo Thông tư

Tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 14/2025/QĐ-TTg đã quy định “*Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định bằng văn bản hành chính về khung giờ cao điểm, thấp điểm, giờ bình thường phù hợp với tình hình sử dụng điện của hệ thống điện trong từng giai đoạn*”. Do vậy, dự thảo Thông tư không quy định cụ thể khung giờ cao điểm, thấp điểm, giờ bình thường, mà chỉ quy định tổng số giờ sử dụng điện trong ngày được phân bổ phù hợp với tính toán tại Quyết định số 14/2025/QĐ-TTg, theo đó tổng số giờ cao điểm là 5 giờ/ngày với các ngày từ thứ Hai đến thứ Bảy, Chủ nhật không có giờ cao điểm; tổng số giờ bình thường là 13 giờ/ngày với các ngày từ thứ Hai đến thứ Bảy, 18 giờ/ngày với ngày Chủ nhật; tổng số giờ thấp điểm là 6 giờ/ngày.

Đồng thời, theo ý kiến của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và các Tổng công ty Điện lực (TCTĐL), việc cài đặt lại công tơ khi thay đổi khung giờ cao điểm, giờ thấp điểm, giờ bình thường cần nhiều thời gian do khối lượng công tơ lớn và nhân sự có hạn (ngày áp dụng khung giờ cao điểm, giờ thấp điểm và giờ bình thường mới sau khi Thông tư thay thế Thông tư số 16/2014/TT-BCT có hiệu lực chính là ngày giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh lần đầu tiên sau khi Quyết định số 14/2025/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành), cụ thể theo báo cáo của EVN:

- Số lượng công tơ nhiều biểu giá trên lưới điện phục vụ bán điện cho khách hàng là 1.017.181 công tơ, trong đó: (i) Công tơ 1 pha điện tử nhiều biểu giá: 223.918 công tơ; (ii) Công tơ 3 pha điện tử nhiều biểu giá: 793.263 công tơ (số liệu thống kê đến hết tháng 06/2025).

- Tổng thời gian trung bình để thao tác cài đặt lại khung giờ cao, thấp điểm và bình thường đối với 01 công tơ điện tử là khoảng 15 phút, bao gồm các bước: tiếp xúc và kiểm tra an toàn điện; truy cập và chuẩn bị thiết bị; kết nối và cài đặt phần mềm; kiểm tra và xác nhận; ghi nhận và hoàn tất thủ tục (chưa tính đến thời gian di chuyển của cán bộ công nhân viên và thời gian làm việc với khách hàng để hoàn thiện các thủ tục cần thiết).

- Không thể bố trí nhân lực cùng lúc để đi cài đặt lại công tơ trong khoảng thời gian ngắn. Do yêu cầu về mặt kỹ thuật đối với cán bộ công nhân viên thực hiện cài đặt công tơ điện tử là: hiểu biết sâu về công tơ điện tử, thành thạo phần mềm chuyên dụng, kỹ năng đọc sơ đồ điện, nắm vững quy trình cài đặt.

Vì vậy, theo ý kiến của EVN và các TCTĐL, dự thảo Thông tư bổ sung

quy định chuyển tiếp về việc cài đặt lại công tơ và việc tiếp tục áp dụng khung giờ cao điểm, giờ thấp điểm và giờ bình thường theo khung giờ cũ khi chưa hoàn thành việc cài đặt lại công tơ, cụ thể tại khoản 2 Điều 5 dự thảo Thông tư quy định:

“2. Việc cài đặt lại khung giờ cao điểm, giờ thấp điểm và giờ bình thường của công tơ phải được hoàn thành trong vòng 60 ngày kể từ thời điểm áp dụng khung giờ cao điểm, giờ thấp điểm và giờ bình thường mới.

Trong thời gian chưa hoàn thành việc cài đặt lại khung giờ cao điểm, giờ thấp điểm và giờ bình thường của công tơ theo quy định mới, tạm thời sử dụng khung giờ cao điểm, giờ thấp điểm và giờ bình thường theo quy định có hiệu lực liền kề trước đó cho đến khi hoàn tất việc cài đặt lại khung giờ mới.”

3.3. Về nguyên tắc xác định giá bán điện cho đơn vị bán lẻ điện và điều kiện áp dụng tại Điều 6 dự thảo Thông tư

a) Về nguyên tắc xác định

Theo quy định tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT, khi điều chỉnh giá bán lẻ điện thì giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện được điều chỉnh trên cơ sở mức trừ lùi giá bán điện hiện hành nhân với mức tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) kế hoạch do Quốc hội ban hành tại năm điều chỉnh giá bán lẻ điện. Đối với các đối tượng mua buôn điện mới chưa xác định được mức trừ lùi giá bán điện hiện hành, Bộ Công Thương hướng dẫn xác định mức trừ lùi giá bán điện cụ thể.

Tại các văn bản góp ý, EVN và các TCTĐL đề nghị áp dụng phương pháp mới để xác định giá bán điện cho đơn vị bán lẻ điện là phương pháp cộng tới mà EVN đã có đề xuất cụ thể tại văn bản số 2712/EVN-TCKT+KD ngày 27/4/2025 (EVN đã thuê Tư vấn xây dựng Đề án “Nghiên cứu cải tiến biểu giá bán buôn điện và đánh giá tác động của sự thay đổi chính sách - sửa đổi Thông tư số 16/2014/TT-BCT của Bộ Công Thương”). Theo ý kiến của EVN và các TCTĐL, theo quy định tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT thì mức trừ lùi giữa giá bán lẻ điện và giá bán điện cho đơn vị bán lẻ điện ngày càng lớn, tạo ra lợi nhuận lớn cho các đơn vị bán lẻ điện; ngành Điện phải mua điện theo giá thị trường nhưng bán theo giá do Nhà nước điều tiết, các chủ đầu tư chỉ đầu tư hạ tầng cơ bản nhưng hưởng tỷ suất lợi nhuận cao hơn toàn ngành là bất hợp lý; việc xác định mức trừ lùi như hiện hành cũng không còn phù hợp và chưa phản ánh đúng chi phí cung ứng điện của EVN, TCTĐL cho đơn vị bán lẻ điện. Vì vậy, cần thiết xem xét điều chỉnh cơ chế giá bán điện cho đơn vị bán lẻ điện cho phù hợp với thực tế thị trường.

Tại văn bản số 2712/EVN-TCKT+KD ngày 27/4/2025, EVN đã gửi Đề án tính toán và đề xuất cụ thể về việc sửa đổi nguyên tắc xác định giá bán điện cho đơn vị bán lẻ điện, theo đó xác định mức trừ lùi cơ sở (là mức chênh lệch giữa

mức giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện và giá bán lẻ điện tương ứng của năm cơ sở) để áp dụng cố định cho các lần điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân và có áp dụng tỷ lệ trượt theo tỷ lệ điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân (%), theo đó nếu điều chỉnh tăng giá thì mức trừ lùi cơ sở tính theo tỷ lệ tăng giá bán lẻ điện bình quân nhưng không vượt quá mức tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) kế hoạch do Quốc hội ban hành tại năm điều chỉnh giá bán lẻ điện, nếu điều chỉnh giảm giá thì mức trừ lùi cơ sở được tính giảm tương ứng theo tỷ lệ giảm giá bán lẻ điện bình quân. Mức trừ lùi cơ sở được tính trên cơ sở số liệu chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh (SXKD) điện của EVN năm 2023 có tính toán chi phí, giá thành SXKD điện của EVN, TCTĐL đến cấp điện áp và ranh giới mua bán điện.

Qua quá trình nghiên cứu, xem xét, Cục ĐL nhận thấy đề xuất của EVN làm thay đổi căn bản việc xác định giá bán điện cho đơn vị bán lẻ điện, có thể gây xáo trộn đối với hoạt động của các đơn vị bán lẻ điện (theo số liệu năm 2024 có 742 đơn vị bán lẻ điện trên toàn quốc trong đó đơn vị bán lẻ điện nông thôn là 428 đơn vị; khu tập thể, cụm dân cư là 98 đơn vị; tổ hợp thương mại - dịch vụ - sinh hoạt là 45 đơn vị; khu công nghiệp là 109 đơn vị; chợ là 62 đơn vị) và cần nhiều thời gian để nghiên cứu cụ thể và đánh giá tác động kỹ lưỡng. Trong bối cảnh xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 16/2014/TT-BCT để hướng dẫn Quyết định số 14/2025/QĐ-TTg (được ban hành và có hiệu lực thi hành từ ngày 29/5/2025), Cục ĐL đề xuất tạm thời giữ nguyên phương pháp xác định giá bán điện cho đơn vị bán lẻ điện căn cứ mức trừ lùi hiện hành như quy định tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT; tiếp thu ý kiến của EVN về việc nếu điều chỉnh tăng giá thì mức trừ lùi được tính tăng theo tỷ lệ tăng giá bán lẻ điện bình quân nhưng không vượt quá mức tăng CPI kế hoạch do Quốc hội ban hành tại năm điều chỉnh giá bán lẻ điện, nếu điều chỉnh giảm giá thì mức trừ lùi được tính giảm tương ứng theo tỷ lệ giảm giá bán lẻ điện bình quân. Phương pháp xác định giá bán điện cho đơn vị bán lẻ điện theo đề xuất của EVN sẽ tiếp tục được nghiên cứu kỹ lưỡng, đánh giá tác động đầy đủ và nếu phù hợp sẽ được phản ánh tại lần sửa đổi, bổ sung sau của Thông tư hướng dẫn Quyết định số 14/2025/QĐ-TTg này.

Đối với các đối tượng đơn vị bán lẻ điện mới chưa xác định được mức trừ lùi giá bán điện hiện hành, dự thảo Thông tư tiếp tục quy định Bộ Công Thương hướng dẫn xác định mức trừ lùi giá bán điện cụ thể cho các đối tượng này, tương tự Thông tư số 16/2014/TT-BCT và bổ sung trách nhiệm của EVN xây dựng mức trừ lùi giá bán điện đối với các đối tượng đơn vị bán lẻ điện mới để báo cáo Bộ Công Thương xem xét, ban hành hướng dẫn (tại điểm b khoản 3 Điều 19 Dự thảo Thông tư); đồng thời bổ sung quy định trong giai đoạn Bộ Công Thương chưa ban hành hướng dẫn xác định mức trừ lùi cụ thể thì được phép áp dụng

toàn bộ sản lượng điện đo đếm được theo giá bán lẻ điện tương ứng với mục đích sử dụng.

b) Về điều kiện áp dụng giá

Tiếp thu ý kiến của EVN và các TCTĐL, dự thảo Thông tư bổ sung khoản 4 Điều 6 quy định về giá điện áp dụng cho đơn vị bán lẻ điện đang trong giai đoạn bàn giao tài sản hoặc đang trong giai đoạn chờ đáp ứng đủ điều kiện theo hướng áp dụng giá bán lẻ điện tương ứng với mục đích sử dụng cho toàn bộ sản lượng điện năng đo đếm.

3.4. Về nguyên tắc xác định mục đích sử dụng điện ngoài mục đích sinh hoạt (quy định tại các Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 11 dự thảo Thông tư)

a) Nguyên tắc chung

Tại các văn bản góp ý, EVN và các TCTĐL đề xuất sử dụng Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam trong việc mô tả các đối tượng mục đích sử dụng điện ngoài mục đích sinh hoạt, bảo đảm tính đồng bộ với các hệ thống quản lý hiện hành của Nhà nước. Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, là hệ thống được sử dụng để phân loại các hoạt động kinh tế của một quốc gia thành các nhóm, ngành, và tiểu ngành khác nhau. Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đang được áp dụng cho việc đăng ký kinh doanh và hệ thống thống kê... Việc áp dụng Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam trong việc mô tả các đối tượng sử dụng điện để xác định mục đích sử dụng điện có thể mang lại các lợi ích sau:

- Hệ thống này hiện đang được áp dụng thống nhất trong công tác đăng ký kinh doanh và thống kê quốc gia, vì vậy khi sử dụng hệ thống ngành kinh tế Việt Nam để mô tả đối tượng trong xác định mục đích sử dụng điện sẽ bảo đảm tính đồng bộ với các hệ thống quản lý hiện hành của Nhà nước.

- Việc áp dụng mã ngành kinh tế làm căn cứ xác định đối tượng áp giá bán điện sẽ giúp thống nhất trong thực hiện giữa các đơn vị, phù hợp với hồ sơ pháp lý của khách hàng. Đồng thời, việc này tạo thuận lợi cho công tác kiểm tra, giám sát và góp phần hạn chế rủi ro sai đối tượng hoặc gian lận trong quá trình áp dụng biểu giá điện.

Đồng thời, ngoài việc xác định đối tượng theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, dự thảo Thông tư còn bổ sung quy định việc xác định mục đích sử dụng điện cần phù hợp với mục đích sử dụng điện thực tế tại địa điểm sử dụng điện để đảm bảo áp giá đúng đối tượng, tránh tình trạng khách hàng đăng ký nhiều ngành nghề nhưng chỉ hoạt động một số ngành tại địa điểm cấp điện, hoặc sử dụng điện sai mục đích, gây thất thoát và thiếu công bằng trong áp dụng biểu giá. Các nội dung nêu trên đã được quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 3 Dự thảo

Thông tư về quy định căn cứ xác định mục đích sử dụng điện ngoài mục đích sinh hoạt như sau: “2. Việc xác định mục đích sử dụng điện ngoài mục đích sinh hoạt được căn cứ theo mã ngành ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc giấy phép kinh doanh cho ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định pháp luật, và phù hợp với mục đích sử dụng điện thực tế tại địa điểm sử dụng điện. Trong trường hợp bên mua điện không thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh thì bên mua điện cung cấp xác nhận của chính quyền địa phương/cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã về mục đích sử dụng điện.”

Việc sửa đổi quy định cụ thể về xác định mục đích sử dụng điện (đối với sản xuất, kinh doanh và hành chính sự nghiệp) tại dự thảo Thông tư được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Ưu tiên sử dụng mã ngành kinh tế để quy định mục đích thay vì quy định chi tiết đối tượng.

- So sánh song song với quy định tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT để đảm bảo các đối tượng chi tiết tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT được bao gồm trong các mã ngành kinh tế theo quy định tại dự thảo mới; trường hợp không có mã ngành kinh tế hoặc chưa xác định được về tính tương ứng giữa Thông tư số 16/2014/TT-BCT và mã ngành kinh tế thì liệt kê chi tiết đối tượng như tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT.

(Bảng so sánh chi tiết quy định xác định mục đích sử dụng điện tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT với bảng mã ngành kinh tế và đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư tại Phụ lục kèm theo Tờ trình này)

b) Về giá bán lẻ điện cho kinh doanh (tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 dự thảo Thông tư)

- Tại Phụ lục Quyết định số 14/2025/QĐ-TTg đã bổ sung cơ cấu biểu giá bán lẻ điện cho khách hàng cơ sở lưu trú du lịch và sạc xe điện so với Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg. Vì vậy cần thiết phải bổ sung hướng dẫn giá bán lẻ điện cho các đối tượng này. Dự thảo Thông tư đã được cấu trúc lại theo hướng tách quy định về cơ sở lưu trú du lịch, sạc xe điện và các hộ kinh doanh khác thành 3 điều riêng biệt.

- Về nguyên tắc áp giá cho cơ sở lưu trú du lịch (Điều 9 Dự thảo Thông tư): thống nhất dẫn chiếu đến quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, theo đó đối với cơ sở lưu trú du lịch thực hiện theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Hướng dẫn số 3778/HD-BVHTTDL ngày 31/7/2025; đối với cơ sở lưu trú du lịch có sử dụng một phần điện năng cho mục đích khác ngoài kinh doanh lưu trú du lịch, bao gồm cả trường hợp cho tổ chức, cá nhân thuê hoặc sử dụng mặt bằng tại cơ sở

lưu trú du lịch thì việc áp dụng giá bán điện được thực hiện theo quy định cho trường hợp khách hàng giao kết hợp đồng sử dụng điện ngoài mục đích sinh hoạt tại điểm b khoản 3 Điều 3 dự thảo Thông tư.

- Về giá cho mục đích sạc xe điện (Điều 10 Dự thảo Thông tư):

Theo ý kiến của EVN và một số TCTĐL, các trạm/trụ sạc điện phải lắp đặt công tơ đo đếm riêng (trừ trụ sạc của hộ gia đình có giao kết hợp đồng sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt) do hoạt động của trạm sạc xe điện gây ảnh hưởng lớn đến hệ thống điện, công suất sử dụng điện cao sẽ đặc biệt gây ảnh hưởng tới hệ thống điện vào giờ cao điểm. Tuy nhiên, theo ý kiến của TCTĐL TP Hồ Chí Minh, không nhất thiết phải lắp đặt công tơ đo đếm điện riêng cho trạm/trụ sạc xe điện (ví dụ trường hợp quán nước, quán cà phê có lắp đặt trụ sạc xe điện thì không cần tách công tơ, giá bán lẻ điện áp dụng cho quán nước là giá kinh doanh cho toàn bộ sản lượng điện đo đếm được). Theo các ý kiến góp ý nêu trên của EVN và các TCTĐL, đề xuất 2 phương án quy định tại Điều 10 Dự thảo Thông tư để lấy ý kiến do đây là mục đích sử dụng mới và có thể có đa dạng hình thức (sạc tại nhà, sạc công cộng, sạc tại trung tâm thương mại, bãi đỗ xe, cơ quan hành chính, khuôn viên doanh nghiệp, v.v).

Phương án 1 (Quy định tổng quát và yêu cầu lắp đặt công tơ đo đếm riêng trừ trường hợp hộ gia đình sinh hoạt có lắp đặt trụ sạc): “Giá bán lẻ điện cho mục đích sạc xe điện áp dụng đối với bên mua điện sử dụng điện cho các trạm/trụ sạc điện phục vụ sạc điện các phương tiện giao thông vận tải sử dụng điện bao gồm cả xe buýt điện và phải lắp đặt công tơ đo đếm điện riêng. Trường hợp sạc xe điện của hộ gia đình có giao kết hợp đồng sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt thì áp dụng giá bán điện cho mục đích sinh hoạt đối với toàn bộ sản lượng đo đếm.”

Phương án 2 (Quy định chi tiết việc áp giá và quy định cho 2 trường hợp: có công tơ đo đếm riêng và không có công tơ đo đếm riêng): “Sạc xe điện bao gồm các trạm/trụ sạc điện phục vụ các phương tiện giao thông vận tải sử dụng điện bao gồm cả xe buýt điện và phải lắp đặt công tơ đo đếm điện riêng. Trường hợp sạc xe điện của khách hàng ký hợp đồng sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt, thì áp dụng giá bán điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Thông tư này; đối với mục đích sử dụng điện ngoài sinh hoạt thì áp dụng giá bán lẻ điện theo từng mục đích sử dụng điện nếu có công tơ đo đếm điện riêng; trường hợp không có công tơ đo đếm điện riêng cho mục đích sạc xe điện thì giá bán điện theo mục đích chính tại hợp đồng mua bán điện.”

3.5. Về giá bán lẻ điện sinh hoạt tại Điều 12 dự thảo Thông tư

- Tiếp thu ý kiến của các TCTĐL về việc tách riêng đối tượng lực lượng vũ trang được áp dụng giá bậc 2 do đây là đối tượng đặc thù, bên bán điện không có quyền kiểm tra số người trong đó để áp dụng định mức, cụ thể: “*Bên mua điện*

sử dụng vào mục đích sinh hoạt cho nhà ở tập thể của lực lượng vũ trang nếu có công tơ đo đếm điện riêng thì áp dụng giá bán lẻ điện sinh hoạt của bậc 2: từ 101 - 200 kWh cho toàn bộ sản lượng điện đo đếm được tại công tơ; trường hợp không có công tơ đo đếm điện riêng thì áp giá bán điện theo mục đích sử dụng điện tại hợp đồng mua bán điện.”

- Tiếp thu ý kiến của EVN về việc bổ sung cách xác định sản lượng điện cho ngày đổi giá điện tại khoản 8 Điều 12 do hiện nay EVN đã có trên 90% công tơ điện tử có hệ thống đo xa. Trường hợp có dữ liệu từ hệ thống đo xa, bên bán điện sử dụng dữ liệu từ hệ thống đo xa tại ngày điều chỉnh giá để xác định sản lượng điện thực tế của từng khoảng thời gian áp dụng giá cũ và giá mới đối với khách hàng đã có công tơ điện tử có hệ thống đo xa; trường hợp không có dữ liệu từ hệ thống đo xa, bên bán điện áp dụng phương pháp nội suy tương tự quy định tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT.

3.6. Về giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện tại Chương III

a) Đối với đơn vị bán lẻ điện nông thôn và đơn vị bán lẻ điện khu tập thể, cụm dân cư

- Đối với giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện phục vụ cho mục đích sinh hoạt (điều 14 và điều 15 dự thảo Thông tư), hiệu chỉnh bậc áp giá điện khi thực hiện thanh toán đối với mỗi chu kỳ nếu đơn vị bán lẻ điện không cung cấp đủ các văn bản, thông tin cho bên bán buôn điện: Thông tư số 16/2014/TT-BCT quy định áp giá bậc 3 (từ 201 - 300 kWh), dự thảo Thông tư hiệu chỉnh thành bậc 3 (từ 201 - 400 kWh) để phù hợp với quy định tại Quyết định số 14/2025/QĐ-TTg.

- Đối với đơn vị bán lẻ điện khu tập thể, cụm dân cư (điều 15 dự thảo Thông tư):

+ Đã hiệu chỉnh để phù hợp với việc sắp xếp lại đơn vị hành chính và chính quyền địa phương 2 cấp, cụ thể bỏ các cụm từ không còn phù hợp và không còn xuất hiện trên thực tế nữa (ví dụ thị trấn, thị xã) tại điểm c khoản 1 và khoản 7. Việc áp giá bán điện cho đơn vị bán lẻ điện theo khu vực tại dự thảo Thông tư được phân biệt theo 2 khu vực là phường và xã theo đúng quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

+ Khoản 7: bổ sung trường hợp địa bàn có quyết định của cấp có thẩm quyền *chuyển từ khu vực xã sang phường hoặc ngược lại* thì đơn vị bán lẻ điện tại các địa bàn trên được tạm thời tiếp tục áp dụng biểu giá điện quy định cho khu vực cũ trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày có quyết định điều chỉnh địa giới hành chính.... (tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT chỉ quy định 1 chiều là chuyển từ khu vực nông thôn sang khu vực nội thị thuộc thị trấn, thị xã hoặc thành phố, hoặc chuyển từ khu vực thị trấn sang khu vực thành phố).

Khoản 1 và Khoản 7 Điều 15 dự thảo Thông tư được hiểu là chỉ áp dụng đối với trường hợp đơn vị bán lẻ điện được cấp phép hoạt động điện lực lần đầu sau ngày 01/7/2025 vì từ ngày 01/7/2025 đơn vị hành chính ở cấp tỉnh mới được phân cấp thành phường và xã; các đơn vị bán lẻ điện được cấp phép hoạt động điện lực trước ngày 01/7/2025 thì địa bàn cấp phép trong giấy phép được xác định theo đơn vị hành chính cũ. Dự thảo Thông tư cũng đã bổ sung điều khoản chuyển tiếp liên quan áp giá bán điện theo khu vực cũ cho đơn vị bán lẻ điện được cấp giấy phép hoạt động điện lực trước ngày 01/7/2025 (xem chi tiết tại mục 3.7 phần IV Tờ trình này).

b) Đối với giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp tại Điều 17 dự thảo Thông tư

Tại khoản 7 Điều 9 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế đã quy định về điều kiện đầu tư hạ tầng khu công nghiệp: *“7. Có quy hoạch xây dựng khu nhà ở và các công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp hoặc cụm các khu công nghiệp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về nhà ở và quy định khác của pháp luật có liên quan.”*. Tại điểm b khoản 2 Điều 34 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP quy định về khu vực dự kiến đầu tư xây dựng khu đô thị - dịch vụ phải đáp ứng điều kiện *“b) Quy mô diện tích phù hợp với nhu cầu cung cấp dịch vụ, tiện ích công cộng của khu công nghiệp và tối đa không vượt quá một phần ba (1/3) quy mô diện tích của khu công nghiệp.”*

Như vậy, trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp ngoài điện phục vụ hoạt động sản xuất còn có các mục đích khác như sinh hoạt, kinh doanh. Tại Điều 17 dự thảo Thông tư đã bổ sung quy định giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp phục vụ mục đích sản xuất và ngoài mục đích sản xuất. Đối với giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện phục vụ mục đích sản xuất thì kế thừa nội dung tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT. Đối với trường hợp khu công nghiệp, cụm công nghiệp có các khách hàng sử dụng điện ngoài mục đích sản xuất thì áp dụng giá bán lẻ điện theo mục đích sử dụng điện tương ứng; đồng thời, bổ sung quy định *“Đơn vị bán lẻ điện có trách nhiệm phối hợp với bên bán buôn điện lắp đặt công tơ ba giá để theo dõi sản lượng điện thực tế sử dụng và thực hiện ghi chỉ số công tơ cho các khách hàng cùng ngày với việc ghi chỉ số tại công tơ tổng để đảm bảo tính toán chính xác sản lượng điện cho các mục đích sử dụng điện tại công tơ tổng.”*, tương tự quy định áp dụng đối với trường hợp tổ hợp thương mại - dịch vụ - sinh hoạt có khách hàng sử dụng điện cho mục đích hành chính sự nghiệp tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT.

3.7. Về Điều khoản thi hành (chương IV dự thảo Thông tư)

a) Về tổ chức thực hiện (Điều 19 dự thảo Thông tư)

- Dự thảo Thông tư bổ sung quy định về biểu mẫu giá bán điện áp dụng cho các nhóm khách hàng sử dụng điện và cho các đơn vị bán lẻ điện (dựa trên thực tế thực hiện các năm qua) để có cơ sở pháp lý cụ thể và minh bạch, rõ ràng trong quá trình thực hiện (tại khoản 1 Điều 19). Biểu mẫu giá bán điện được quy định cụ thể tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư.

- Dự thảo Thông tư đã hiệu chỉnh câu chữ liên quan đến Sở Công Thương để phù hợp với chính quyền địa phương 2 cấp và Thông tư số 37/2025/TT-BCT ngày 14/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đồng thời bổ sung trách nhiệm của Sở Công Thương kiểm tra và xác nhận các đơn vị bán lẻ điện mới đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư làm cơ sở cho bên bán điện ký hợp đồng mua bán điện với đơn vị bán lẻ điện (cụ thể tại khoản 2 Điều 19).

- Bổ sung trách nhiệm của EVN trong việc xây dựng mức trừ lùi giá bán điện đối với các đối tượng đơn vị bán lẻ điện mới chưa xác định được mức trừ lùi giá bán điện hiện hành, báo cáo Bộ Công Thương xem xét, ban hành hướng dẫn.

b) Về Điều khoản chuyển tiếp (Điều 20 dự thảo Thông tư)

- Dự thảo Thông tư bổ sung quy định về điều khoản chuyển tiếp về hiệu lực thi hành và áp dụng của Thông tư để phù hợp với quy định chuyển tiếp tại Quyết định số 14/2025/QĐ-TTg, cụ thể tại khoản 1 Điều 20 quy định như sau:

“Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giá bán điện và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 16/2014/TT-BCT được tiếp tục áp dụng từ ngày Thông tư này có hiệu lực đến ngày thực hiện điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân gần nhất sau ngày Quyết định số 14/2025/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành.”

- Dự thảo Thông tư bổ sung điều khoản chuyển tiếp liên quan áp dụng giá bán điện theo khu vực cho đơn vị bán lẻ điện chịu tác động của việc thay đổi địa giới hành chính và chính quyền địa phương 2 cấp (tại khoản 2 Điều 20), cụ thể như sau:

Việc thay đổi địa giới hành chính, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp làm một số khu vực từ nông thôn trở thành thành thị/đô thị và ngược lại và tác động trực tiếp tới đơn vị bán lẻ điện tại nông thôn và đơn vị bán lẻ điện tại khu tập thể - cụm dân cư do việc áp giá bán điện theo khu vực. Nếu thay đổi việc áp giá bán điện cho đơn vị bán lẻ điện hiện có theo tính chất khu vực mới (nông

thôn và thành thị/đô thị) theo việc sắp xếp lại địa giới hành chính và chính quyền địa phương 2 cấp sẽ gây xáo trộn trong hoạt động SXKD của đơn vị bán lẻ điện đó, trong khi hiện trạng của đơn vị bán lẻ điện là không thay đổi (về đầu tư, quy mô khách hàng, v.v). Theo số liệu báo cáo sơ bộ của EVN, tổng số đơn vị bán lẻ điện nông thôn, khu tập thể - cụm dân cư (KTT-CDC) bị ảnh hưởng bởi việc sắp xếp lại đơn vị hành chính và chính quyền địa phương 2 cấp là khoảng 139 đơn vị, trong đó: TCTĐL miền Bắc có tổng 109 đơn vị (bán lẻ điện nông thôn là 76 đơn vị; KTT-CDC là 33 đơn vị); TCTĐL miền Trung có tổng 11 đơn vị bán lẻ điện nông thôn và KTT-CDC; TCTĐL miền Nam có tổng 4 đơn vị bán lẻ điện nông thôn và KTT-CDC; TCTĐL Hà Nội có tổng 15 đơn vị bán lẻ điện nông thôn và KTT-CDC.

Vì vậy, để đảm bảo hoạt động ổn định của đơn vị bán lẻ điện hiện có, dự thảo Thông tư bổ sung điều khoản chuyển tiếp quy định áp giá bán điện cho đơn vị bán lẻ điện theo khu vực đối với các đơn vị bán lẻ điện được cấp giấy phép hoạt động điện lực trước ngày 01/7/2025 như sau:

+ Được áp giá bán điện theo khu vực như đã thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT, không thay đổi theo tính chất khu vực (nông thôn/thành thị) mới; thời gian áp dụng tối thiểu là 12 tháng kể từ ngày thực hiện điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân gần nhất sau ngày Quyết định số 14/2025/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành; đến ngày thực hiện điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân lần đầu tiên sau khi hết thời hạn 12 tháng nêu trên, đơn vị bán lẻ điện phải chuyển sang áp dụng giá bán điện quy định cho khu vực mới theo quy định về cấp đơn vị hành chính tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

Lý do quy định thời gian tối thiểu là 12 tháng là do vận dụng quy định tại khoản 7 Điều 15 dự thảo Thông tư (được kế thừa từ khoản 7 Điều 13 Thông tư số 16/2014/TT-BCT). Dự thảo Thông tư không quy định được thời gian tối đa đối với trường hợp này do việc áp giá theo khu vực mới sẽ làm thay đổi doanh thu bán điện của EVN và các TCTĐL rất nhiều so với tính toán khi điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân trước thời điểm đến hạn 12 tháng (theo số liệu thống kê nêu trên thì có đến khoảng 139 đơn vị bán lẻ điện bị ảnh hưởng vì bị thay đổi khu vực), vô hình chung sẽ dẫn đến sai lệch so với việc tính toán giá bán điện cho khách hàng và cho đơn vị bán lẻ điện tại lần điều chỉnh gần nhất trước đó. Vì vậy, việc thay đổi áp giá bán điện theo khu vực mới chỉ thực hiện được tại ngày điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân lần đầu tiên sau khi qua thời hạn 12 tháng nêu trên.

+ Trường hợp cấp lại giấy phép hoạt động điện lực sau ngày 01/7/2025 mà phạm vi bán điện thu hẹp hoặc không thay đổi thì đơn vị bán lẻ điện được tiếp tục áp dụng quy định chuyển tiếp nêu trên.

+ Trường hợp cấp lại giấy phép hoạt động điện lực sau ngày 01/7/2025 có mở rộng phạm vi bán điện thì áp dụng theo quy định về áp giá bán điện theo khu vực mới (phường, xã) theo quy định về cấp đơn vị hành chính tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

Tổng quát chung, với quy định tại dự thảo Thông tư, giá bán điện cho đơn vị bán lẻ điện theo khu vực được áp dụng theo nguyên tắc như sau:

- Giá cho đơn vị bán lẻ điện tại phường được áp dụng cho: đơn vị bán lẻ điện có phạm vi bán điện là nội thị thuộc thành phố, thị xã trước ngày 01/7/2025 đối với đơn vị bán lẻ điện được cấp phép trước ngày 01/7/2025; đơn vị bán lẻ điện có phạm vi bán điện là phường theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 đối với đơn vị bán lẻ điện được cấp phép lần đầu sau ngày 01/7/2025.

- Giá cho đơn vị bán lẻ điện tại xã được áp dụng cho: đơn vị bán lẻ điện có phạm vi bán điện là nội thị thuộc thị trấn, huyện lỵ trước ngày 01/7/2025 đối với đơn vị bán lẻ điện được cấp phép trước ngày 01/7/2025; đơn vị bán lẻ điện có phạm vi bán điện là xã theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 đối với đơn vị bán lẻ điện được cấp phép lần đầu sau ngày 01/7/2025.

(Trong đó, giá bán điện cho đơn vị bán lẻ điện được cấp phép trước ngày 01/7/2025 được áp dụng với thời hạn và quy định cụ thể về việc cấp phép lại theo quy định tại khoản 2 Điều 20 dự thảo Thông tư.)

c) Về hiệu lực thi hành (Điều 21 dự thảo Thông tư)

Dự thảo Thông tư quy định thời điểm Thông tư có hiệu lực thi hành và quy định Thông tư được áp dụng kể từ ngày thực hiện điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân gần nhất sau ngày Quyết định số 14/2025/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành để phù hợp với điều khoản chuyển tiếp tại Điều 20.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

Công tác tổ chức thực hiện cơ chế về giá điện là công việc thường xuyên của Cục ĐL và đã được quy định tại Quyết định số 935/QĐ-BCT ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục ĐL. Thông tư này không có sự thay đổi trong việc sử dụng nhân lực và tài chính so với Thông tư số 16/2014/TT-BCT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung của Thông tư số 16/2014/TT-BCT, vì vậy đảm bảo nhân lực và tài chính thi hành Thông tư; đồng thời Thông tư không phát sinh thủ tục hành chính.

Việc thi hành Thông tư về cơ bản không làm phát sinh các nhu cầu về nguồn nhân lực và tài chính mới để thực hiện.

Dự thảo Thông tư được soạn thảo theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Trên cơ sở tổng hợp và giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan, Dự thảo Thông tư đã được tiếp thu chỉnh sửa phù hợp. Dự kiến thời gian trình/thông qua Thông tư là trong tháng 10/2025.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Thông tư quy định về thực hiện giá bán điện. Cục ĐL kính trình Bộ trưởng xem xét, quyết định./.

(Hồ sơ dự thảo Thông tư gửi kèm theo bao gồm:

- *Dự thảo Thông tư;*
- *Bản so sánh, thuyết minh dự thảo Thông tư;*
- *Báo cáo thẩm định của Vụ Pháp chế;*
- *Báo cáo số .../BC-ĐL ngày ... tháng ... năm 2025 của Cục ĐL tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế;*
- *Bản tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến và bản chụp ý kiến của các cơ quan, tổ chức đối với nội dung dự thảo Thông tư).*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Long (để b/c);
- PCT Trịnh Quốc Vũ;
- Vụ Pháp chế (để p/h);
- Phòng PC;
- Lưu: VT, GĐ.

CỤC TRƯỞNG

Phạm Nguyên Hùng

**Phụ lục: Rà soát quy định xác định mục đích sử dụng điện ngoài sinh hoạt giữa Thông tư số 16/2014/TT-BCT
và dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 16/2014/TT-BCT**

(Ban hành kèm theo Tờ trình số /TTr-ĐL ngày tháng năm 2025 của Cục ĐL)

Nội dung tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung	Nội dung rà soát theo Mã ngành kinh tế	Nội dung tại dự thảo Thông tư
Chương II - GIÁ BÁN LẺ ĐIỆN		
Điều 7. Giá bán lẻ điện cho sản xuất Giá bán lẻ điện cho sản xuất áp dụng đối với bên mua điện sử dụng vào sản xuất thuộc các ngành sau:		Điều 7. Giá bán lẻ điện cho sản xuất Giá bán lẻ điện cho sản xuất áp dụng đối với bên mua điện sử dụng vào sản xuất thuộc các ngành sau:
1. Công nghiệp.	+ Khách hàng Công nghiệp: mã ngành cấp 1 là C – Công nghiệp chế biến, chế tạo; bao gồm các mã ngành cấp 2 là: 10 - Sản xuất, chế biến thực phẩm; 11 - Sản xuất đồ uống; 12 - Sản xuất sản phẩm thuốc lá; 13 - Dệt; 14 - Sản xuất trang phục; 15 - Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan; 16 - Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện; 17 - Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; 18 - In, sao chép bản ghi các loại; 19 - Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế; 20 - Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất; 21 - Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu; 22 - Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; 23 - Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; 24 - Sản xuất kim loại; 25 - Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị); 26 - Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; 27 - Sản xuất thiết bị điện; 28 - Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu; 29 - Sản xuất ô tô và xe có động	3. Công nghiệp chế biến, chế tạo (mã ngành cấp 1 là C).

Nội dung tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung	Nội dung rà soát theo Mã ngành kinh tế	Nội dung tại dự thảo Thông tư
	<i>cơ khác; 30 - Sản xuất phương tiện vận tải khác; 31 - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; 32 - Công nghiệp chế biến, chế tạo khác; 33 - Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị.</i>	
2. Xây dựng; giao thông vận tải; khai thác mỏ; lâm nghiệp; thủy hải sản.	+ Khách hàng xây dựng: mã ngành cấp 1 là F – Xây dựng; bao gồm các mã ngành cấp 2 là: 41 - <i>Xây dựng nhà các loại; 42 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; 43 - Hoạt động xây dựng chuyên dụng;</i> + Khách hàng khai thác mỏ: mã ngành cấp 1 là B – Khai khoáng; bao gồm các mã ngành cấp 2 là: 05 - <i>Khai thác than cứng và than non; 06 - Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên; 07 - Khai thác quặng kim loại; 08 - Khai khoáng khác; 09 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng;</i> + Khách hàng lâm nghiệp, thủy hải sản: mã ngành cấp 1 là A – Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản; bao gồm các mã ngành cấp 2: 02 - <i>Lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan và 03 - Khai thác, nuôi trồng thủy sản</i> + Khách hàng giao thông vận tải: mã ngành cấp 1 là H – Vận tải kho bãi; bao gồm các mã ngành cấp 2: 49 - <i>Vận tải đường sắt, đường bộ và vận tải đường ống; 50 - Vận tải đường thủy; 51 - Vận tải hàng không;</i>	6. Xây dựng (mã ngành cấp 1 là F); 2. Khai khoáng (mã ngành cấp 1 là B), trừ đối tượng thuộc ngành Hoạt động dịch vụ khai khoáng (mã ngành cấp 2 là 09); 1. Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản (mã ngành cấp 1 là A), trừ các đối tượng: Hoạt động dịch vụ nông nghiệp (mã ngành cấp 3 là 016), Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp (mã ngành cấp 3 là 024) và trụ sở văn phòng các cơ quan làm nhiệm vụ quản lý, khai thác các công trình thủy lợi; 7. Vận tải đường sắt, đường bộ và vận tải đường ống (mã ngành cấp 2 là 49); Vận tải đường thủy (mã ngành cấp 2 là 50); Vận tải hàng không (mã ngành cấp 2 là 51);
3. Nông nghiệp: trồng trọt; bơm nước tưới tiêu; chăn nuôi gia súc, thủy hải sản và các loại chăn nuôi khác; sản xuất thuốc bảo quản và chống dịch bệnh.	+ Khách hàng nông nghiệp: mã ngành cấp 1 là A – Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản; bao gồm mã ngành cấp 2: 01 - <i>Nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan.</i> + Trừ các đối tượng: Hoạt động dịch vụ nông nghiệp (mã ngành cấp 3 là 016), Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp (mã	1. Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản (mã ngành cấp 1 là A), trừ các đối tượng: Hoạt động dịch vụ nông nghiệp (mã ngành cấp 3 là 016), Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp (mã ngành cấp 3 là 024) và trụ sở văn phòng các cơ quan

Nội dung tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung	Nội dung rà soát theo Mã ngành kinh tế	Nội dung tại dự thảo Thông tư
	ngành cấp 3 là 024) và trụ sở văn phòng các cơ quan làm nhiệm vụ quản lý, khai thác các công trình thủy lợi; + Bổ sung tại dự thảo Thông tư: Hoạt động tưới, tiêu nước phục vụ trồng trọt; Hoạt động tưới, tiêu nước phục vụ lâm nghiệp;	làm nhiệm vụ quản lý, khai thác các công trình thủy lợi; 9. Hoạt động tưới, tiêu nước phục vụ trồng trọt; 10. Hoạt động tưới, tiêu nước phục vụ lâm nghiệp;
4. Sản xuất nước sạch cung cấp cho tiêu dùng sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh.	+ Khách hàng Sản xuất nước sạch cung cấp cho tiêu dùng sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh: mã ngành cấp 1 là E – Cung cấp nước; Hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải; bao gồm mã ngành cấp 2: 36 – <i>Khai thác, xử lý và cung cấp nước</i>	5. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (mã ngành cấp 1 là E);
5. Văn phòng quản lý sản xuất được đặt tại địa điểm cùng với khu vực sản xuất.	Được ghép cùng với khách hàng thuộc mã ngành cấp 1 là C – Công nghiệp chế biến, chế tạo;	3. Công nghiệp chế biến, chế tạo (mã ngành cấp 1 là C).
6. Các kho chứa hàng hoá (nguyên vật liệu, thành phẩm, bán thành phẩm) đang trong quá trình sản xuất và địa điểm đặt kho tại khu vực sản xuất.	Các kho chứa hàng hóa này nằm trong dây chuyền sản xuất nên sẽ được ghép cùng với khách hàng thuộc mã ngành cấp 1 là C – Công nghiệp chế biến, chế tạo;	3. Công nghiệp chế biến, chế tạo (mã ngành cấp 1 là C).
7. Các doanh nghiệp sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích (cho phần sản lượng điện sử dụng cho các hoạt động công ích) trừ hoạt động chiếu sáng công cộng.	Được ghép cùng với khách hàng thuộc mã ngành cấp 1 là C – Công nghiệp chế biến, chế tạo;	3. Công nghiệp chế biến, chế tạo (mã ngành cấp 1 là C).
8. Bơm thoát nước, bơm tiêu úng tại thành phố, thị xã; trạm xử lý nước thải.	+ Khách hàng Bơm thoát nước, bơm tiêu úng tại thành phố, thị xã; trạm xử lý nước thải: đã nằm trong các khách hàng	5. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (mã ngành cấp 1 là E);

Nội dung tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung	Nội dung rà soát theo Mã ngành kinh tế	Nội dung tại dự thảo Thông tư
	thuộc mã ngành cấp 1 là E – Cung cấp nước; Hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải; bao gồm mã ngành cấp 2: 37 – <i>Thoát nước và xử lý nước thải</i>	
9. Các tổng đài, mạng truyền dẫn, trạm thu, phát sóng thuộc các công ty viễn thông, công ty truyền hình.	+ Khách hàng các tổng đài, mạng truyền dẫn, trạm thu, phát sóng thuộc các công ty viễn thông, công ty truyền hình: đã nằm trong các khách hàng thuộc mã ngành cấp 1 là J – Thông tin và truyền thông; bao gồm mã ngành cấp 2: 59- <i>Hoạt động điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc; 60 - Hoạt động phát thanh, truyền hình; 61 - Viễn thông;</i> Tuy nhiên, đề xuất giữ nguyên áp giá các tổng đài, mạng truyền dẫn, trạm thu, phát sóng thuộc các công ty viễn thông, công ty truyền hình như quy định tại Thông tư số 16 do đây là hoạt động phục vụ thu phát sóng cho toàn bộ người dân.	11. Các tổng đài, mạng truyền dẫn, trạm thu, phát sóng thuộc các công ty viễn thông, công ty truyền hình;
10. Các cơ sở dệt vải, chăn nuôi, ấp trứng gia cầm, xay xát, làm đá đông lạnh, hàn, xì, cưa xẻ, đồ mộc, sấy thóc (lúa), bảo quản nông sản sau thu hoạch.	+ Khách hàng chăn nuôi, ấp trứng gia cầm, xay xát, sấy thóc (lúa), bảo quản nông sản sau thu hoạch: đã nằm trong các khách hàng thuộc mã ngành cấp 1 là A – Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản; bao gồm mã ngành cấp 2: 01 - <i>Nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan;</i> + Khách hàng cơ sở dệt vải: đã nằm trong các khách hàng thuộc mã ngành cấp 1 là C – Công nghiệp chế biến, chế tạo; bao gồm mã ngành cấp 2: 13 - <i>Dệt;</i> + Khách hàng làm đá đông lạnh: đã nằm trong các khách hàng thuộc mã ngành cấp 1 là D – Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí: bao gồm các mã ngành kinh tế 35301, 35302 - <i>Sản xuất,</i>	1. Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản (mã ngành cấp 1 là A), trừ các đối tượng: Hoạt động dịch vụ nông nghiệp (mã ngành cấp 3 là 016), Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp (mã ngành cấp 3 là 024) và trụ sở văn phòng các cơ quan làm nhiệm vụ quản lý, khai thác các công trình thủy lợi; 3. Công nghiệp chế biến, chế tạo (mã ngành cấp 1 là C). 4. Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước (mã ngành cấp 1 là D trừ điều hoà không khí);

Nội dung tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung	Nội dung rà soát theo Mã ngành kinh tế	Nội dung tại dự thảo Thông tư
	<i>phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá</i> + Khách hàng hàn, xì, cưa xẻ, đồ mộc: đã nằm trong các khách hàng thuộc mã ngành cấp 1 là C – Công nghiệp chế biến, chế tạo; bao gồm mã ngành cấp 2: 16 - <i>Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện và 25 - Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị (trong đó có hoạt động gia công cơ khí);</i>	3. Công nghiệp chế biến, chế tạo (mã ngành cấp 1 là C).
11. Hoạt động in ấn thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; hoạt động in ấn của cơ quan báo chí, truyền thông, nhà xuất bản.	+ Khách hàng Hoạt động in ấn thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; hoạt động in ấn của cơ quan báo chí, truyền thông, nhà xuất bản: đã nằm trong các khách hàng thuộc mã ngành cấp 1 là C – Công nghiệp chế biến, chế tạo; bao gồm mã ngành cấp 2: 18 - <i>In, sao chép bản ghi các loại;</i>	3. Công nghiệp chế biến, chế tạo (mã ngành cấp 1 là C).
12. May gia công công nghiệp; thuê vi tính công nghiệp; giặt là công nghiệp; chế biến thực phẩm, nông sản, lâm sản, hải sản.	+ Khách hàng may gia công công nghiệp; thuê vi tính công nghiệp: đã nằm trong các khách hàng thuộc mã ngành cấp 1 là C – Công nghiệp chế biến, chế tạo; bao gồm mã ngành cấp 2: 13 – <i>Dệt và 14 - Sản xuất trang phục;</i> + Khách hàng chế biến thực phẩm, nông sản, lâm sản, hải sản: đã nằm trong các khách hàng thuộc mã ngành cấp 1 là C – Công nghiệp chế biến, chế tạo; bao gồm mã ngành cấp 2: 10 – <i>Chế biến thực phẩm;</i> + Khách hàng giặt là công nghiệp: đã nằm trong các khách hàng thuộc mã ngành cấp 1 là S – Hoạt động dịch vụ khác: mã phân ngành cấp 2 là 96 - <i>Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác (Đối với ngành nghề: Giặt là, làm sạch các sản</i>	3. Công nghiệp chế biến, chế tạo (mã ngành cấp 1 là C). 12. Hoạt động dịch vụ khác (mã ngành cấp 1 là S); trừ đối tượng là Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ (mã ngành kinh tế là 96320) và trụ sở làm việc của các hội nghề nghiệp;

Nội dung tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung	Nội dung rà soát theo Mã ngành kinh tế	Nội dung tại dự thảo Thông tư
	<i>phẩm dệt và lông thú</i>) Đối với khách hàng giặt là công nghiệp đề xuất chuyển khách hàng thành nhóm giá kinh doanh dịch vụ do giặt là công nghiệp đều làm kinh doanh dịch vụ không sản xuất ra sản phẩm.	
13. Sản xuất sản phẩm cơ khí; sản xuất các sản phẩm từ vàng bạc, đá quý; sản xuất phần mềm tin học, âm bản; sản xuất bao bì.	+ Khách hàng sản xuất sản phẩm cơ khí: đã nằm trong các khách hàng thuộc mã ngành cấp 1 là C – Công nghiệp chế biến, chế tạo; bao gồm mã ngành cấp 2: 25 – <i>Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)</i> và 28 - <i>Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu;</i> + Khách hàng sản xuất các sản phẩm từ vàng bạc, đá quý: đã nằm trong các khách hàng thuộc mã ngành cấp 1 là C – Công nghiệp chế biến, chế tạo; bao gồm mã ngành cấp 2: 24 – <i>Sản xuất kim loại</i> + Khách hàng sản xuất phần mềm tin học, âm bản: J – Thông tin và truyền thông; bao gồm mã ngành cấp 2: 58 – <i>Hoạt động xuất bản; 62 – Lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính và 63 - Hoạt động dịch vụ thông tin.</i> + Khách hàng sản xuất bao bì: đã nằm trong các khách hàng thuộc mã ngành cấp 1 là C – Công nghiệp chế biến, chế tạo; bao gồm mã ngành cấp 2: 17 – <i>Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy và 22 - Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic.</i>	3. Công nghiệp chế biến, chế tạo (mã ngành cấp 1 là C).
14. Chiếu xạ tiết trùng.	Nếu quy trình chiếu xạ tiết trùng này thuộc dây chuyền sản xuất của nhà máy, cơ sở sản xuất thuộc mã ngành cấp 1 là C thì hoạt động này đã nằm trong mã ngành cấp 1 là C và áp	3. Công nghiệp chế biến, chế tạo (mã ngành cấp 1 là C).

Nội dung tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung	Nội dung rà soát theo Mã ngành kinh tế	Nội dung tại dự thảo Thông tư
	giá sản xuất.	
15. Các hoạt động sản xuất khác.		các hoạt động sản xuất khác.
Điều 8. Giá bán lẻ điện cho kinh doanh Giá bán lẻ điện cho kinh doanh áp dụng đối với bên mua điện sử dụng điện cho mục đích kinh doanh, dịch vụ bao gồm:		Điều 11. Giá bán lẻ điện cho các hộ kinh doanh khác Giá bán lẻ điện cho kinh doanh áp dụng đối với bên mua điện sử dụng điện cho mục đích kinh doanh, dịch vụ bao gồm các ngành sau:
1. Cửa hàng kinh doanh, dịch vụ, siêu thị, hội chợ, cơ sở kinh doanh thương mại bán buôn, bán lẻ vật tư, hàng hoá.	Khách hàng này thuộc ngành G - Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác. Ngành này bao gồm các phân ngành kinh tế cấp 2 là: 45- <i>Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác</i> ; 46 - <i>Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)</i> ; 47 - <i>Bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)</i> ;	1. Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (mã ngành cấp 1 là G);
2. Cơ sở kinh doanh tiền tệ, chứng khoán, ngân hàng thương mại, quỹ tiết kiệm, công ty tài chính, công ty chứng khoán.	- Khách hàng này thuộc ngành K - Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm. Ngành này bao gồm các phân ngành kinh tế cấp 2 là: 64 - <i>Hoạt động dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)</i> ; 65 - <i>Bảo hiểm, tái bảo hiểm và bảo hiểm xã hội (trừ bảo đảm xã hội bắt buộc)</i> ; 66 - <i>Hoạt động tài chính khác</i> . - Đề nghị giữ nguyên đối tượng <i>bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, Ngân hàng chính sách xã hội hoạt động phi lợi nhuận</i> tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT đang áp dụng giá bán lẻ điện cho khối hành chính, sự nghiệp, do đó loại trừ các đối tượng này trong giá kinh doanh.	7. Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm (mã ngành cấp 1 là K); trừ đối tượng là Bảo hiểm y tế (mã ngành cấp 5 là 65131, Bảo hiểm xã hội (mã ngành cấp 5 là 65300); Ngân hàng chính sách xã hội hoạt động phi lợi nhuận;

Nội dung tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung	Nội dung rà soát theo Mã ngành kinh tế	Nội dung tại dự thảo Thông tư
3. Cơ sở hoạt động kinh doanh của công ty truyền thông, viễn thông, truyền hình; cơ sở hoạt động trong lĩnh vực thông tin, bưu chính (trừ dịch vụ bưu chính phổ cập, dịch vụ bưu chính bắt buộc là các dịch vụ công ích).	Khách hàng này thuộc ngành J - Thông tin và truyền thông và 53 - Bưu chính và chuyển phát (mã ngành cấp 1 là H). Ngành J - Thông tin và truyền thông bao gồm mã ngành cấp 2 là 59- <i>Hoạt động điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc</i>; 60 - <i>Hoạt động phát thanh, truyền hình</i>; 61 - <i>Viễn thông</i>; 63. <i>Hoạt động dịch vụ thông tin</i>. - Đề nghị giữ nguyên đối tượng <i>Trụ sở làm việc của các đơn vị báo chí, đài phát thanh, truyền hình</i> tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT đang áp dụng giá bán lẻ điện cho khối hành chính, sự nghiệp, do đó loại trừ các đối tượng này trong giá kinh doanh. - Đề nghị giữ nguyên đối tượng <i>Các tổng đài, mạng truyền dẫn, trạm thu, phát sóng thuộc các công ty viễn thông, công ty truyền hình</i> tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT đang áp dụng giá bán lẻ điện cho sản xuất, do đó loại trừ các đối tượng này trong giá kinh doanh.	6. Thông tin và truyền thông (mã ngành cấp 1 là J); trừ đối tượng là Trụ sở làm việc của các đơn vị báo chí, đài phát thanh, truyền hình và các tổng đài, mạng truyền dẫn, trạm thu, phát sóng thuộc các công ty viễn thông, công ty truyền hình;
4. Công ty xổ số.	Khách hàng này thuộc ngành R - Nghệ thuật, vui chơi và giải trí; bao gồm mã ngành kinh tế cấp 2 là 92 - <i>Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc</i> .	11. Nghệ thuật, vui chơi và giải trí (mã ngành cấp 1 là R)
5. Tổ chức hoạt động bảo hiểm (trừ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế);	Khách hàng này thuộc ngành K - Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; bao gồm phân ngành kinh tế cấp 2 là 65 - <i>Bảo hiểm, tái bảo hiểm và bảo hiểm xã hội (trừ bảo đảm xã hội bắt buộc)</i> .	7. Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm (mã ngành cấp 1 là K); trừ đối tượng là Bảo hiểm y tế (mã ngành cấp 5 là 65131, Bảo hiểm xã hội (mã ngành cấp 5 là 65300); Ngân hàng chính sách xã hội hoạt động phi lợi nhuận;

Nội dung tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung	Nội dung rà soát theo Mã ngành kinh tế	Nội dung tại dự thảo Thông tư
6. Cơ sở lưu trú du lịch, cửa hàng nhiếp ảnh, vũ trường, nhà hàng karaoke, massage.	- Khách hàng <i>Cơ sở lưu trú du lịch</i> theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (tách thành 1 điều riêng). - Khách hàng <i>Cửa hàng nhiếp ảnh</i> thuộc ngành M - Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; bao gồm mã ngành kinh tế cấp 5 là 74200 - <i>Hoạt động nhiếp ảnh</i>. - Khách hàng <i>vũ trường, nhà hàng karaoke</i> thuộc ngành R - Nghệ thuật, vui chơi và giải trí; bao gồm mã ngành kinh tế cấp 5 là 93290 - <i>Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu</i>. - Khách hàng <i>massage</i> thuộc ngành S - Hoạt động dịch vụ khác; bao gồm mã ngành kinh tế cấp 2 là 96 - <i>Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác</i> (trong đó mã ngành cấp 5 là 96100 - Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao))	- Điều 9. Giá bán lẻ điện cho cơ sở lưu trú du lịch Cơ sở lưu trú du lịch theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. [...] - 9. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ (mã ngành cấp 1 là M); ...; - 11. Nghệ thuật, vui chơi và giải trí (mã ngành cấp 1 là R);... - 12. Hoạt động dịch vụ khác (mã ngành cấp 1 là S);...
7. Cửa hàng ăn uống, giải khát, uốn tóc, giặt là, may đo, rửa xe.	- Khách hàng <i>cửa hàng ăn uống, giải khát</i> thuộc mã ngành I - Dịch vụ lưu trú và ăn uống; bao gồm mã ngành kinh tế cấp 2 là 56 - <i>Dịch vụ ăn uống</i> - Khách hàng <i>uốn tóc, giặt là, may đo</i> thuộc mã ngành S - Hoạt động dịch vụ khác; bao gồm mã ngành kinh tế cấp 2 là 96 - <i>Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác</i>; - Khách hàng <i>rửa xe</i> thuộc ngành G - Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; bao	- 5. Dịch vụ lưu trú và ăn uống (mã ngành cấp 1 là I),... - 12. Hoạt động dịch vụ khác (mã ngành cấp 1 là S);...

Nội dung tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung	Nội dung rà soát theo Mã ngành kinh tế	Nội dung tại dự thảo Thông tư
	gồm phân ngành kinh tế cấp 2 là: 45- <i>Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác</i>	- 1. Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (mã ngành cấp 1 là G);
8. Hoạt động quảng cáo của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;	Khách hàng này thuộc ngành M - Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; bao gồm mã ngành kinh tế cấp 2 là 73 - <i>Quảng cáo và nghiên cứu thị trường</i>	9. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ (mã ngành cấp 1 là M); ...;
9. Cơ sở sửa chữa, tân trang ô tô, xe máy, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng và đồ dùng gia đình;	- Khách hàng <i>Cơ sở sửa chữa, tân trang ô tô, xe máy, phương tiện vận tải</i> thuộc ngành G. Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; bao gồm mã ngành kinh tế cấp 2 là 45 - <i>Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác</i>. - Khách hàng <i>Cơ sở sửa chữa hàng tiêu dùng và đồ dùng gia đình</i> thuộc ngành S - Hoạt động dịch vụ khác; bao gồm mã ngành kinh tế cấp 2 là 95 - <i>Sửa chữa máy vi tính, đồ dùng cá nhân và gia đình</i>.	- 1. Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (mã ngành cấp 1 là G); - 12. Hoạt động dịch vụ khác (mã ngành cấp 1 là S);...
10. Khách sạn, nhà nghỉ, nhà khách của các tổ chức, cá nhân; nhà cho thuê sử dụng điện ngoài mục đích sinh hoạt do chủ nhà ký hợp đồng mua điện;	- Khách hàng <i>Khách sạn, nhà nghỉ, nhà khách của các tổ chức, cá nhân</i> thuộc đối tượng cơ sở lưu trú du lịch. - Đối tượng <i>nhà cho thuê sử dụng điện ngoài mục đích sinh hoạt do chủ nhà ký hợp đồng mua điện</i> không có trong mã ngành kinh tế, đề nghị giữ nguyên như tại Thông tư 16/2014/TT-BCT	13. Nhà/đất do chủ thể ký hợp đồng mua bán điện cho thuê sử dụng điện ngoài mục đích sinh hoạt;
11. Phòng bán vé, trạm giao nhận hàng, phòng đợi (kể cả sảnh chờ) cửa hàng, quầy bán hàng hoá thuộc các sân bay, nhà ga, bến xe, bến cảng.	+ Khách hàng <i>Phòng bán vé, trạm giao nhận hàng, phòng đợi (kể cả sảnh chờ) cửa hàng, quầy bán hàng hoá thuộc các sân bay, nhà ga, bến xe, bến cảng</i> thuộc ngành H - Vận tải kho bãi; bao gồm các mã ngành cấp 2: 52 - <i>Kho bãi và các</i>	4. Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải (mã ngành cấp 2 là 52) trừ điểm trông giữ xe phục vụ mục đích sinh hoạt chung của cư dân tại các khu chung cư cao tầng, khu đô thị; Bưu chính và chuyển phát (mã ngành cấp 2 là

Nội dung tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung	Nội dung rà soát theo Mã ngành kinh tế	Nội dung tại dự thảo Thông tư
	<i>hoạt động hỗ trợ cho vận tải; 53 - Bưu chính và chuyển phát.</i>	53); trừ đối tượng là các kho dự trữ được cấp có thẩm quyền quy định chức năng dự trữ quốc gia;
12. Trạm thu phí giao thông, điểm trông giữ xe.	- Khách hàng <i>điểm trông giữ xe</i> thuộc ngành H - Vận tải kho bãi; bao gồm mã ngành cấp 2: 52 - <i>Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải (hoạt động dịch vụ khác hỗ trợ liên quan đến vận tải đường bộ)</i> - Khách hàng <i>trạm thu phí giao thông</i> không có trong hệ thống mã ngành kinh tế nên đề xuất giữ nguyên quy định đối tượng chi tiết như tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT	- 4. Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải (mã ngành cấp 2 là 52) trừ điểm trông giữ xe phục vụ mục đích sinh hoạt chung của cư dân tại các khu chung cư cao tầng, khu đô thị;... - 14. Trạm thu phí giao thông;
13. Kho chứa hàng hoá trong quá trình lưu thông;	Khách hàng <i>Kho chứa hàng hoá trong quá trình lưu thông</i> thuộc ngành H - Vận tải kho bãi; bao gồm mã ngành cấp 2: 52 - <i>Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải (hoạt động Kho bãi và lưu giữ hàng hóa)</i>	4. Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải (mã ngành cấp 2 là 52)...
14. Văn phòng, trụ sở quản lý của các tập đoàn, tổng công ty và công ty, trừ những trường hợp sử dụng điện quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này.	Không tìm thấy trong hệ thống mã ngành kinh tế, do vậy đề nghị giữ nguyên theo Thông tư số 16/2014/TT-BCT	16. Văn phòng, trụ sở quản lý của các tập đoàn, tổng công ty, công ty và hợp tác xã;
15. Văn phòng đại diện của các tổ chức kinh doanh, trung tâm dịch vụ khách hàng; công ty tư vấn; văn phòng công chứng;	- Không tìm thấy trong hệ thống mã ngành kinh tế, do vậy đề nghị giữ nguyên theo Thông tư số 16/2014/TT-BCT. - Khách hàng công ty tư vấn thuộc ngành M - Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; bao gồm các mã ngành kinh tế cấp 2 là 70 - <i>Hoạt động của trụ sở văn phòng; hoạt động tư vấn quản lý; 71 - Hoạt động kiến trúc; kiểm tra và phân tích kỹ thuật</i> - Khách hàng <i>văn phòng công chứng</i> thuộc ngành M - Hoạt	- 17. Văn phòng đại diện của các tổ chức kinh doanh, trung tâm dịch vụ khách hàng; công ty tư vấn; văn phòng công chứng; - 9. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ (mã ngành cấp 1 là M); trừ đối tượng thuộc ngành nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (mã ngành cấp 2 là 72) và các trạm thú y công lập;

Nội dung tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung	Nội dung rà soát theo Mã ngành kinh tế	Nội dung tại dự thảo Thông tư
	động chuyên môn, khoa học công nghệ; bao gồm mã ngành kinh tế cấp 2 là 69 - <i>Hoạt động pháp luật, kế toán và kiểm toán.</i>	
16. Bộ phận kinh doanh của các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao, nhà văn hoá, thông tin, nhà thi đấu thể thao, viện bảo tàng, triển lãm.	- Khách hàng thuộc ngành R - Nghệ thuật, vui chơi và giải trí; bao gồm các mã ngành kinh tế cấp 2 là 90 - <i>Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí</i>; 91 - <i>Hoạt động của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hóa khác</i> - Đề nghị giữ nguyên đối tượng <i>trụ sở làm việc của các trung tâm huấn luyện thể thao; nhà văn hoá, thông tin, nhà thi đấu thể thao; viện bảo tàng, nhà lưu niệm, thư viện</i> tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT đang áp dụng giá bán lẻ điện cho khối hành chính, sự nghiệp, do đó loại trừ các đối tượng này trong giá kinh doanh.	11. Nghệ thuật, vui chơi và giải trí (mã ngành cấp 1 là R); trừ đối tượng là trụ sở làm việc của các trung tâm huấn luyện thể thao; nhà văn hoá, thông tin, nhà thi đấu thể thao; viện bảo tàng, nhà lưu niệm, thư viện;
17. Cơ sở kinh doanh thể dục thể thao.	Khách hàng này thuộc ngành R - Nghệ thuật, vui chơi, giải trí; bao gồm mã ngành kinh tế cấp 2 là 93 - <i>Hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí (bao gồm: Hoạt động thể thao; Hoạt động vui chơi giải trí khác)</i>	Như tại mục 16
18. Nhà hát, công ty biểu diễn; công ty chiếu bóng và rạp chiếu bóng; rạp xiếc.	Khách hàng này thuộc phân ngành R - Nghệ thuật, vui chơi, giải trí; bao gồm mã ngành kinh tế cấp 2 là 90 - <i>Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí</i>	Như tại mục 16
	Kế thừa Thông tư số 16/2014/TT-BCT, hiệu chỉnh câu chữ để phân biệt đối với đối tượng văn phòng quản lý sản xuất được đặt tại địa điểm cùng với khu vực sản xuất	15. Văn phòng quản lý sản xuất được đặt tại địa điểm khác với khu vực sản xuất;
	Đối tượng “chiếu xạ tiết trùng” theo Thông tư số 16/2014/TT-BCT áp giá bán lẻ điện cho sản xuất. Tuy nhiên, hiện nay hoạt động này chủ yếu cung cấp dịch vụ nên đề	19. Cơ sở cung cấp dịch vụ chiếu xạ tiết trùng

Nội dung tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung	Nội dung rà soát theo Mã ngành kinh tế	Nội dung tại dự thảo Thông tư
	nghị áp dụng giá bán lẻ điện cho kinh doanh.	
		20. Các loại hình kinh doanh dịch vụ khác chưa được quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này.
Điều 9. Giá bán lẻ điện cho khối hành chính, sự nghiệp 1. Giá bán lẻ điện cho bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo và trường phổ thông được áp dụng cho các đối tượng sau:		Điều 8. Giá bán lẻ điện cho hành chính sự nghiệp
a) Nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường phổ thông các cấp, trung tâm giáo dục thường xuyên (phần dạy văn hoá phổ thông), trường dân tộc nội trú;	+ Khách hàng Nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường phổ thông các cấp, trường dân tộc nội trú: đã nằm trong mã ngành cấp 1 là P – Giáo dục và đào tạo; bao gồm mã ngành kinh tế cấp 5 là 85110 - <i>Giáo dục nhà trẻ</i> ; 85120 - <i>Giáo dục mẫu giáo</i> ; 85210 - <i>Giáo dục tiểu học</i> ; 85220 - <i>Giáo dục trung học cơ sở</i> ; 85230 - <i>Giáo dục trung học phổ thông</i> ; + Trung tâm giáo dục thường xuyên bỏ phần dạy văn hóa phổ thông theo ý kiến của các Tổng công ty Điện lực do khó phân tách mục đích dạy học và chưa có mã ngành quy định cụ thể. Do đó đề xuất giữ nguyên như tại Thông tư số 16.	a) Giáo dục và đào tạo (mã ngành cấp 1 là P); c) Trung tâm giáo dục thường xuyên;
b) Các bệnh viện (bao gồm cả nhà tang lễ và đốt rác thải y tế nằm trong khuôn viên bệnh viện); cơ sở khám, chữa bệnh (bao gồm cả phần sản lượng điện sử dụng cho khám, chữa bệnh của trung tâm y tế dự phòng); cơ sở điều dưỡng, phục hồi chức năng; cơ sở điều dưỡng, phục hồi chức	+ Khách hàng: Các bệnh viện (bao gồm cả nhà tang lễ và đốt rác thải y tế nằm trong khuôn viên bệnh viện); cơ sở khám, chữa bệnh (bao gồm cả phần sản lượng điện sử dụng cho khám, chữa bệnh của trung tâm y tế dự phòng); cơ sở điều dưỡng, phục hồi chức năng, điều trị bệnh nghề nghiệp; cơ sở dưỡng lão, người tàn tật, trại trẻ mồ côi; cơ sở cai nghiện ma	b) Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội (mã ngành cấp 1 là Q);

Nội dung tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung	Nội dung rà soát theo Mã ngành kinh tế	Nội dung tại dự thảo Thông tư
năng, điều trị bệnh nghề nghiệp; cơ sở dưỡng lão, người tàn tật, trại trẻ mồ côi; cơ sở cai nghiện ma túy, trung tâm giáo dục lao động xã hội; văn phòng tư vấn cai nghiện ma túy, phòng chống HIV/AIDS, sinh đẻ có kế hoạch.	túy, trung tâm giáo dục lao động xã hội; văn phòng tư vấn cai nghiện ma túy, phòng chống HIV/AIDS, sinh đẻ có kế hoạch đã nằm trong mã ngành cấp 1 là Q – Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; bao gồm các mã ngành nghề kinh tế cấp 2 là 86 - <i>Hoạt động y tế</i> ; 87 - <i>Hoạt động chăm sóc, điều dưỡng tập trung</i> ; 88 - <i>Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung</i> . + Văn phòng tư vấn sinh đẻ có kế hoạch không có trong mã ngành kinh tế nào, do đó đề xuất giữ nguyên như tại Thông tư số 16.	
2. Giá bán lẻ điện cho chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp được áp dụng đối với các đối tượng và các mục đích sau:		
a) Chiếu sáng công cộng tại đường phố, công viên, ngõ xóm; đền, chùa, nhà thờ; di tích lịch sử đã được xếp hạng; nghĩa trang liệt sĩ; khu tập thể hoặc cầu thang nhà tập thể;	Chiếu sáng công cộng tại đường phố, công viên, ngõ xóm; đền, chùa, nhà thờ; di tích lịch sử đã được xếp hạng; nghĩa trang liệt sĩ; khu tập thể hoặc cầu thang nhà tập thể không có trong mã ngành kinh tế nào. Do đó, đề xuất giữ nguyên như tại Thông tư số 16.	d) Chiếu sáng công cộng tại đường phố, công viên, ngõ xóm; đền, chùa, nhà thờ phục vụ tín ngưỡng của cộng đồng; di tích lịch sử; nghĩa trang liệt sĩ; khu tập thể hoặc cầu thang nhà tập thể;
b) Điện sử dụng phục vụ mục đích sinh hoạt chung, sinh hoạt cộng đồng cho cư dân tại các khu chung cư cao tầng, khu đô thị; bơm nước phục vụ sinh hoạt tại khu tập thể, cụm dân cư;	Điện sử dụng phục vụ mục đích sinh hoạt chung, sinh hoạt cộng đồng cho cư dân tại các khu chung cư cao tầng, khu đô thị; bơm nước phục vụ sinh hoạt tại khu tập thể, cụm dân cư không có trong mã ngành kinh tế nào. Do đó, đề xuất giữ nguyên như tại Thông tư số 16.	đ) Điện sử dụng phục vụ mục đích sinh hoạt chung, sinh hoạt cộng đồng cho cư dân tại các khu chung cư cao tầng, khu đô thị; bơm nước phục vụ sinh hoạt tại khu tập thể, cụm dân cư;
c) Điện sử dụng cho đèn tín hiệu giao thông;	Điện sử dụng cho đèn tín hiệu giao thông không có trong mã ngành kinh tế nào. Do đó, đề xuất giữ nguyên như tại Thông tư số 16.	e) Điện sử dụng cho đèn tín hiệu giao thông (bao gồm điện sử dụng của các trạm gác chắn đường sắt), camera giao thông;

Nội dung tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung	Nội dung rà soát theo Mã ngành kinh tế	Nội dung tại dự thảo Thông tư
d) Trụ sở làm việc của các cơ quan hành chính nhà nước; đơn vị sự nghiệp; đơn vị lực lượng vũ trang; tổ chức chính trị, chính trị - xã hội; các hội nghề nghiệp;	Khách hàng trụ sở làm việc của các cơ quan hành chính nhà nước; đơn vị sự nghiệp; Đơn vị lực lượng vũ trang; tổ chức chính trị, chính trị - xã hội đã nằm trong mã ngành cấp 1 là O - Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, đối ngoại và bảo đảm xã hội bắt buộc; bao gồm mã ngành kinh tế cấp 2 là 84 - <i>Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, đối ngoại và bảo đảm xã hội bắt buộc</i> Khách hàng các hội nghề nghiệp đã nằm trong mã ngành cấp 1 là S – Hoạt động dịch vụ khác; bao gồm mã ngành kinh tế là 94 - <i>Hoạt động của các hiệp hội, tổ chức khác</i>	a) Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, đối ngoại và bảo đảm xã hội bắt buộc (mã ngành cấp 1 là O); g) Trụ sở làm việc của các hội nghề nghiệp;
đ) Trụ sở đại sứ quán, cơ quan ngoại giao, văn phòng đại diện của các tổ chức quốc tế (không phục vụ cho mục đích kinh doanh);	Khách hàng Trụ sở đại sứ quán, cơ quan ngoại giao, văn phòng đại diện của các tổ chức quốc tế (không phục vụ cho mục đích kinh doanh) đã nằm trong mã ngành cấp 1 là U - Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế; bao gồm mã ngành kinh tế 99 - <i>Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế</i>	b) Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế (mã ngành cấp 1 là U);
e) Trụ sở làm việc của các đơn vị báo chí, trung tâm huấn luyện thể thao; đài phát thanh, truyền hình, nhà văn hoá, thông tin, nhà thi đấu thể thao; viện bảo tàng, nhà lưu niệm, triển lãm, thư viện, nhà tang lễ, đài hoá thân;	Khách hàng trụ sở làm việc của các đơn vị báo chí, trung tâm huấn luyện thể thao; đài phát thanh, truyền hình, nhà văn hoá, thông tin, nhà thi đấu thể thao; viện bảo tàng, nhà lưu niệm, triển lãm, thư viện, nhà tang lễ, đài hoá thân: đã nằm trong các khách hàng thuộc mã ngành cấp 1 là J – <i>Thông tin và truyền thông</i> ; R – <i>Nghệ thuật, vui chơi, giải trí</i> ; N – <i>Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ</i> và S – <i>Hoạt động dịch vụ khác</i> .	h) Trụ sở làm việc của các đơn vị báo chí, trung tâm huấn luyện thể thao; đài phát thanh, truyền hình, nhà văn hoá, thông tin, nhà thi đấu thể thao; viện bảo tàng, nhà lưu niệm, triển lãm, thư viện, nhà tang lễ, đài hoá thân;

Nội dung tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung	Nội dung rà soát theo Mã ngành kinh tế	Nội dung tại dự thảo Thông tư
g) Bộ phận được cấp kinh phí từ ngân sách Nhà nước của hội chợ, ban quản lý chợ, các nhà khách, nhà nghỉ thuộc các cơ quan hành chính. Bên mua điện phải cung cấp những văn bản pháp lý về sử dụng kinh phí ngân sách để làm cơ sở xác định tính giá theo tỷ lệ;	<i>Không tìm thấy trong hệ thống mã ngành kinh tế, do vậy đề nghị giữ nguyên theo Thông tư số 16</i>	g) Bộ phận được cấp kinh phí từ ngân sách Nhà nước của hội chợ, ban quản lý chợ, các nhà khách, nhà nghỉ thuộc các cơ quan hành chính. Bên mua điện phải cung cấp những văn bản pháp lý về sử dụng kinh phí ngân sách để làm cơ sở xác định tính giá theo tỷ lệ;
h) Các cơ quan bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội;	Thuộc ngành nghề K – Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; bao gồm mã ngành kinh tế 65 - <i>Bảo hiểm, tái bảo hiểm và bảo hiểm xã hội (trừ bảo đảm xã hội bắt buộc</i> đang áp giá kinh doanh (thực hiện loại trừ trong phần áp giá kinh doanh).	h) Các cơ quan bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội;
i) Các cơ quan nghiên cứu; các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề thuộc mọi loại hình công lập và tư thực, các cơ sở đào tạo khác (trừ các đối tượng được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này);	+ Khách hàng các cơ quan nghiên cứu đã nằm trong mã ngành cấp 1 là M – Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; bao gồm mã ngành nghề cấp 2 là 72 - <i>Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ</i> + Khách hàng các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề thuộc mọi loại hình công lập và tư thực, các cơ sở đào tạo khác (trừ các đối tượng được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) đã nằm trong mã ngành cấp 1 là P – Giáo dục và đào tạo; bao gồm mã ngành kinh tế cấp 5 là 85310 - <i>Đào tạo sơ cấp</i> ; 85320 - <i>Đào tạo trung cấp</i> ; 85330 - <i>Đào tạo cao đẳng</i> ; 85410 - <i>Đào tạo đại học</i> ; 85420 - <i>Đào tạo thạc sỹ</i> ; 85430 - <i>Đào tạo tiến sỹ</i> ;	c) Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (mã ngành cấp 2 là 72); a) Giáo dục và đào tạo (mã ngành cấp 1 là P);
k) Các cơ quan, tổ chức, cơ quan phát hành sách, báo trung ương và địa	<i>Không tìm thấy trong hệ thống mã ngành kinh tế, do vậy đề nghị giữ nguyên theo Thông tư số 16</i>	k) Các cơ quan, tổ chức, cơ quan phát hành sách, báo trung ương và địa phương, cung cấp

Nội dung tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung	Nội dung rà soát theo Mã ngành kinh tế	Nội dung tại dự thảo Thông tư
phương, cung cấp thiết bị trường học, thiết bị y tế, các tổ chức hoạt động từ thiện;		thiết bị trường học, thiết bị y tế, các tổ chức hoạt động từ thiện;
l) Các kho dự trữ được cấp có thẩm quyền quy định chức năng dự trữ quốc gia;	Thuộc ngành nghề H – Vận tải kho bãi; bao gồm mã ngành kinh tế 52 - <i>Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải</i> đang áp giá kinh doanh (thực hiện loại trừ trong phần áp giá kinh doanh).	i) Các kho dự trữ được cấp có thẩm quyền quy định chức năng dự trữ quốc gia;
m) Ngân hàng chính sách xã hội hoạt động phi lợi nhuận;	Thuộc ngành nghề K – Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; bao gồm mã ngành kinh tế 64 - <i>Hoạt động dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)</i> đang áp giá kinh doanh (thực hiện loại trừ trong phần áp giá kinh doanh).	k) Ngân hàng chính sách xã hội hoạt động phi lợi nhuận;
n) Trụ sở văn phòng các cơ quan làm nhiệm vụ quản lý, khai thác các công trình thủy lợi;	Trụ sở văn phòng các cơ quan làm nhiệm vụ quản lý, khai thác các công trình thủy lợi không có trong mã ngành kinh tế nào. Do đó, đề xuất giữ nguyên như tại Thông tư số 16.	l) Trụ sở văn phòng các cơ quan làm nhiệm vụ quản lý, khai thác các công trình thủy lợi;
o) Trụ sở ban quản lý dự án các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.	Trụ sở ban quản lý dự án các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước không có trong mã ngành kinh tế nào. Do đó, đề xuất giữ nguyên như tại Thông tư số 16.	m) Trụ sở ban quản lý dự án các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.
3. Trường hợp cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp có thực hiện các hoạt động sản xuất hàng hoá thì áp dụng giá bán điện cho sản xuất; có thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ thì áp dụng giá bán điện kinh doanh cho phần sản lượng điện tương ứng với các hoạt động này.		3. Trường hợp đơn vị hành chính sự nghiệp có thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh thì áp dụng giá theo đúng mục đích sử dụng thực tế cho phần sản lượng điện tương ứng với các hoạt động này.